

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 9 (THƯỢNG)

Tiếp theo nói nói môn quán đi vào thật của Viên giáo tức trước hết giản lược môn Viên và kế đến nói rõ quán Viên. Ở trên, môn của Tam tạng giáo diệt thật sắc để thông suốt chơn (đế) thật nhưng không đặc ý nên sanh ra nhiều tranh cãi. Thể môn tức huyền sắc thông suốt chơn nhằm chỉ rõ mọi người không tranh cãi pháp. Môn thể của Biệt giáo diệt sắc của sanh tử rồi thứ tự diệt sắc của pháp tánh nhưng thông suốt trung đạo không đặc ý nên sanh ra nhiều tranh cãi. Môn của Viên giáo thì ngay nơi sắc của sanh tử là sắc của pháp tánh, ngay nơi sắc của pháp tánh mà thông suốt trung đạo chỉ rõ mọi “người không có tranh cãi pháp”. Văn nói “đạo vô thượng”, lại nói “nhưng hành sâu Diệu đạo” tức là nghĩa này. Hai môn trên không thông suốt trung đạo nên không cần phân biệt, hai loại Biệt và Viên giáo đều thông suốt trung đạo. Luận về sự đồng và khác của chúng được phân làm mười ý: 1. Dung thông, không dung thông; 2. “Tức pháp” không “tức pháp”; 3. Nêu ra trí của Phật, chẳng phải trí của Phật; 4. Nói rõ hành thứ tự và không có hành thứ; 5. Nêu ra đoạn đoạn hoặc, không có đoạn đoạn hoặc; 6. Nêu ra vị thật không có vị thật; 7. Quả tung và không tung; 8. Nói viên và không viên; 9. Ước định câu hỏi; 10. Ước định vào ví dụ. Nếu tìm hiểu kỹ mười ý này thì biết rõ sự đồng và khác của tám môn.

- Nói về dung thông mà không dung thông tức nêu ra bốn môn của Biệt giáo làm nơi căn cứ để quyết định “thiện sắc, diệu hữu”. Điều này không liên quan đến “không” mà căn cứ vào “tất cánh không”, không liên quan đến “có” cho đến chẳng phải không, chẳng phải có cũng lại như vậy. Bốn môn trải qua riêng biệt nên phải phân ra mỗi môn thông suốt nhưng không đặc ý vì tạo ra định tướng nắm lấy sự tương tự đồng

thật tánh, E rằng lạm dụng mờ mịt với giác đầu tiên sanh (Thủ giác) v.v... Hữu môn của Tam tạng giáo trước đã phá hết sự toan tính sai lầm của ngoại đạo. Kế đến, ba môn “không” v.v... phá trừ tà tức còn thiếu sót. Lại nữa bốn môn khéo léo của Thông giáo phá đi sự vụng về của Tam tạng, Tiếp đến, môn của Biệt giáo phá trừ gần của Thông môn đã không cùng chung với Nhị thừa, huống gì với giác (biết) mơ hồ của ngoại đạo, lạm dụng Diệu hữu mà không phá! Diệu hữu nương vào Như Lai tạng để phân định bốn môn thì sao đồng với quan điểm về thật tánh của Ni-kiền-tử! Như Chu phác, Trịnh phác (ngọc trong đá thời Chu và thời Trịnh) tên gọi tuy đồng nhưng thực chất lại khác, và sang hèn cách nhau một trời một vực. Thời nay, người học “Địa luận” phần nhiều trái với đạo mà quay về thế tục nên trộm lấy nghĩa này cho đó là của Trang Tử và Lão Tử khiến vàng đá lẫn lộn, chánh tà hỗn tạp làm cho đồ chúng mơ hồ không phân định rõ trắng đen. Nếu hiểu rõ ý bốn môn của các giáo sàng lọc chơn, nguy khiến trộm cắp không sanh. Nhưng môn của Biệt giáo, tuy tạo ra thuyết cố định như vậy để tranh luận, cảnh giới của chư Phật ngay cả hàng Nhị thừa cũng không biết, nhưng đâu thể đồng với ngoại đạo! Môn của Viên giáo rộng suốt dung thông với vi diệu không thể “định chấp”. Nói “có” không ngăn cách “không” là ước định ở “có” mà luận về “không”, nói “không” không ngăn cách “có” là ước định ở “không” mà luận về “có”. Có và không đều không hai và không có tướng quyết định nhưng tạm gửi ở “có” để lý do cho ngôn thuyết. Tuy nhiên môn “có” này cũng chính là ba môn. Một môn bao hàm vô lượng môn, vô lượng môn ở trong một môn, chẳng phải một môn chẳng phải bốn môn, bốn môn có mặt trong một môn và một môn bao hàm có bốn môn. Đây tức là tướng của môn Viên giáo.

Kế đến ước định ở “phá, và hội tụ” để nói rõ tướng dung thông và không dung thông. Nếu phá tà kiến ngoại đạo, không phá tà vạy của Nhị thừa thì cũng không phá phương tiện của đại thừa. Lại sự hội tụ không trọn vẹn tức là như Tịnh Danh nói “hội tụ phàm phu quay trở lại, còn Thanh văn không có” hội tụ bọn trần lao làm hạt giống của Như Lai. Vô vi nhập vào chánh vị không thể quay trở lại. Pháp ác, phiền não, người ác của sanh tử mà đều bị hội tụ. Pháp thiện của Nhị thừa và bốn quả Thánh hơn không được hội tụ! Lại nữa, trong Bát-nhã nói rõ các niệm xứ và phẩm đạo của hàng Nhị thừa đã thực hành đều là Ma-ha-diễn, tham dục, vô minh, ái kiến v.v... đều là Ma-ha-diễn, pháp thiện, ác, thấy đều bị hội tụ đồng thời cũng không gom người ác và người của Nhị thừa v.v..., không nói rõ người ấy làm Phật”. Đây tức

là sự thu nhiếp của môn Biệt giáo. Nếu Viên giáo phá thì từ Biệt giáo trở về trước tức là phương tiện. Do đó, Ca Diếp tự phá mà nói “từ trước đến nay chúng con đều là người tà kiến”. Đã nói, người của tà kiến tức là không có đạo pháp chơn chánh viên mãn, như vậy người và pháp đều bị phá. Pháp và người của Biệt giáo còn như vậy hướng hồ pháp và người của “thảo am”, hàng Nhị thừa còn như vậy hướng hồ pháp và người của địa phàm phu! Đây chính là phá trọn vẹn không hề lưu giữ, cố định một pháp nào. Viên giáo hội tụ (gom về) mọi chúng phàm phu chấp ở pháp, như nói “các ngài đều sẽ làm Phật, ta không dám khinh quý ngài”. Như vậy, hạng phàm năm tội nghịch như Điều Đạt cũng được thọ ký, loài súc sanh như Long nữ v.v... cũng được thọ ký hướng hồ là Bồ-tát và hàng Nhị thừa! Các nghiệp sanh sản sử trị của thế gian đều cùng với Thật tướng không trái ngược nhau tức là gom tất cả pháp ác. Nói “thực hành của các ông là đạo của Bồ-tát” tức Nhị thừa pháp còn được gom lại hướng hồ là Thông giáo và Biệt giáo. “Nó thật là con ta, ta thiệt là cha nó” nghĩa là không có người, pháp nào mà, pháp nào mà không được gom về thấy đều dung thông mẫu nhiệm. Đây tức là môn thu nhiếp của Viên giáo. Lại nữa, ước định vào trước sau của văn kinh mà nói rõ tướng viên mãn và không viên mãn. Trước hết nêu ra môn không dung thông là nói đến Địa tiền. Sau nêu ra môn không dung thông mà nói sự chứng dung thông. Đây là nói hướng sau. Hoặc trước nêu ra môn chứng viên dung thông nói về “hướng sau” và sau nêu ra môn không dung thông nói về “Địa tiền”. Đây đều là sự thu nhiếp của môn Biệt giáo. Nếu trước nêu ra môn viên dung và chứng cũng viên dung thì nói về “tín sau”. Còn sau nêu ra chứng không viên dung là nói về “trụ trước”. Hoặc trước nêu ra chứng không viên dung” là nói về “trụ trước” hoặc sau nêu ra “chứng viên dung” là nói về “tín sau”. Đây đều thuộc sự thu nhiếp của môn Viên giáo v.v...

- Tức pháp mà không tức pháp nghĩa là nếu nói “có” làm môn thì “có” này chẳng phải “có” của sanh tử mà thoát ra khỏi sanh tử để riêng luận về “chơn thiện diệu hữu”. Nếu nói môn Không là thoát ra khỏi chơn không của hàng Nhị thừa mà riêng luận “tất cánh không” cho đến chẳng phải có chẳng phải không cũng như vậy. Đây chính là tướng của bốn môn riêng biệt. Nếu “Có” làm môn chính là “có” của sanh tử, là có của Thật tướng, tất cả pháp đều hướng đến có ấy, có tức là pháp giới nên nếu thoát ra khỏi pháp giới thì không có pháp gì để bàn luận cả. Sanh tử tức Niết-bàn và Niết-bàn tức sanh tử, không hai cũng không sai biệt mà nêu ra có là để làm cơ sở lập môn. Môn ấy thật sự vốn đầy

đủ tất cả pháp viên thông vô ngại đó gọi là “hữu môn”. Ba môn kia cũng lại như thế. Đây tức là pháp của sanh tử, cũng chính là tướng của bốn môn Viên giáo. Lại nữa, “tức pháp” có “biến khắp và không biến khắp” để phân định tướng Biệt và Viên theo thông lệ như trước đã phân biệt v.v... Lại ước định sự biến khắp và không biến khắp của năm trụ. Lại nữa, “tức pháp và không tức pháp” hoặc trước hoặc sau phân quyết tướng Biệt và Viên như trước đã phân biệt v.v...

- Ước định ở Phật trí, chẳng phải Phật trí nghĩa là nếu “có” làm môn thì phân riêng Nhứt thiết trí liễu đạt “pháp không”, phân riêng Đạo chủng trí chiếu soi hằng sa Phật pháp sai biệt bất đồng, là trí của Bồ-tát tức tướng của bốn môn Biệt giáo. Nếu “Có” làm môn phân riêng Nhứt Thiết chủng trí với “ngũ nhãn” đầy đủ chiếu soi khắp pháp giới; Chánh biến tri tức trí tuệ của chư Phật là tướng của bốn môn Viên giáo. Lại nữa, dùng môn Biệt nói trí Viên, dùng môn Viên nói trí Biệt hoặc trước hoặc sau phân biệt tướng Biệt và Viên, theo thông lệ như trước v.v... Lại dùng môn Biệt chứng trí Viên, dùng môn Viên chứng trí Biệt hoặc trước hoặc sau phân biệt tướng Biệt và Viên, theo thông lệ như trước đã nói v.v...

- Ước định ở thứ tự và không thứ tự nghĩa là: Nếu dùng có làm môn, rồi nương vào môn tu hành dần dần đạt được thứ bậc sai khác từ thấp đến cao thì không thể ngay lập tức đạt được trong nhất hành tức là vô lượng hạnh, cho đến môn chẳng phải có chẳng phải không cũng như vậy. Đây là tướng bốn môn của Biệt giáo. Nếu dùng “Có” làm môn khiến tất cả các pháp hướng đến “hữu môn” rồi nương vào môn để tu hành, cũng tất cả hành hướng đến “hữu hành”, trong một hành tức là vô lượng hành nên gọi là “hành biến khắp”, cho đến môn “chẳng phải không”, chẳng phải có cũng lại như vậy. Đây là tướng bốn môn của Viên giáo. Lại nữa, môn Biệt mà hành Viên, môn Viên mà hành Biệt, hoặc trước hoặc sau phân biệt Biệt và Viên theo thông lệ như trước v.v...

- Ước định “đoạn đoạn và không đoạn đoạn” nghĩa là: Phàm tận cùng đến lý hư vô thì thể tánh của vô minh vốn tự nó không có nên cần gì đến trí tuệ để hiểu rõ “hoặc” đã không có sao dùng “Viên, Biệt”? Niết-bàn nói “Ai có trí tuệ, ai có phiền não?”. Tịnh Danh nói “tánh của dâm, nộ, si tức là giải thoát”. Vả lại, không đoạn si, ái khởi lên trong giải thoát, sáng suốt. Đây tức là không luận về đoạn hay không đoạn”. Đại kinh nói “khi tối thì không sáng và khi sáng thì không tối; khi có trí tuệ thì không có phiền não”. Đây là dùng trí tuệ để đoạn trừ phiền

não. Nếu là “hữu môn” của Biệt giáo thì đa phần căn cứ ở định phần mà cắt đứt dần dần đoạn trừ năm trụ, tức là trí đoạn có thể nghĩ bàn, cho đến ba môn cũng như vậy. Đây là tướng của bốn môn Biệt giáo. Nếu là “hữu môn” của Viên giáo hiểu rõ “hoặc” không hai thì đa phần nêu ra “không đoạn đoạn”. Năm trụ đều không thể nghĩ bàn tức là đoạn không thể nghĩ bàn cho đến ba môn cũng như vậy. Đây là tướng bốn môn của Viên giáo. Lại nữa, dùng môn Viên nói đoạn, dùng môn Biệt nói “không đoạn đoạn” hoặc trước, hoặc sau để phán quyết tướng Biệt và Viên thì theo thông lệ như trước nói v.v...

- Ước định ở Thật vị và chẳng phải thật vị nghĩa là: Nếu Hữu môn nêu rõ đoạn Kiến hoặc và Tư hoặc của giới nội, phân định địa vị ba mươi tâm đoạn Kiến hoặc, Tư hoặc và vô minh hoặc của giới ngoại, và phân định địa vị Thập địa, Đẳng giác và tâm sau đoạn sạch vô minh, Diệu giác với quả vị thường hằng vô sự không còn thì đây là lấy nhân của người khác làm quả của mình thấy đều là phương tiện chứ chẳng phải địa vị thật. Ba môn sau phần lớn đồng, có chút ít sai khác nhưng đều là tướng của bốn môn Biệt giáo. Nếu Hữu môn từ “sơ phát ý” ba quán nhất tâm đoạn trừ hoặc chướng của giới nội, và hàng phục trọn vẹn vô minh của giới ngoại, quyết định địa vị Thập tín tiến đến phát khởi “chơn trí”, đoạn trừ hoàn toàn Kiến hoặc, Tư hoặc, vô minh hoặc, của giới ngoại, quyết định địa vị “bốn mươi tâm”, Đẳng giác và tâm sau vĩnh viễn đoạn sạch vô minh đến Diệu giác không còn ràng buộc gì ở bên ngoài thì đây là địa vị chơn thật rất ráo, cho đến ba môn kia cũng lại như vậy. Đó gọi là tướng bốn môn của Viên giáo. Lại nữa, dùng môn Biệt để nói về địa vị thật, dùng môn Viên để nói về địa vị không thật, dùng môn Biệt để chứng địa vị thật, dùng môn Viên để chứng địa vị không thật hoặc trước hoặc sau thì đều giống như trước đã phân biệt v.v...

- Ước định ở “quả tung và không tung” (xuyên suốt thời gian và không xuyên suốt): Nếu “có” làm môn, môn mà chứng quả ba đức tung hoành thì nói Pháp thân vốn có, Bát-nhã tu thành Giải thoát mới viên mãn” không chỉ quả đức xuyên suốt thành mà nhân mà cũng có giới hạn của nó. Như Địa Nhơn nói “Sơ địa có đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Đối với các Ba-la-mật khác chẳng phải là không tu, tùy lực tùy phần Đàn (Bố thí) viên mãn mà Sơ địa không thể thông suốt Địa trên, phần pháp khác vẫn có mà không đầy đủ nên mang nghĩa “hữu dư”. Ba môn khác cũng như vậy. Đây gọi là “tướng của bốn môn riêng biệt”. Nếu “Có” làm môn thì từ môn mà chứng quả, đầy đủ ba đức không tung không

hoành, cũng nhân nơi một pháp môn như vậy mà đầy đủ tất cả môn thông suốt cho đến địa vị Phật. Hoa nghiêm nói “Từ một Địa ban đầu mà đầy đủ công đức của các Địa”. Đại Phẩm nói: “chữ “A” ban đầu có đầy đủ công đức của bốn mươi mốt chữ”. Ba môn kia cũng lại như vậy nên gọi là tướng bốn môn của Viên giáo. Lại dùng môn Biệt nói về “quả không tung” và dùng môn Viên nói đến “quả tung” hoặc trước hoặc sau để phân biệt tướng Biệt và Viên như trước đã nói v.v...

- Ước định viên dung thuyên giải và không viên dung thuyên giải nghĩa là: Nếu “có” làm môn, môn viên dung, hoặc viên dung một môn, hoặc không viên dung hai môn mà chương trước đã chuyên dẫn ra. Chương môn ở giữa trình bày rõ trí của Bồ-tát không dung không tức “cho đến thí dụ hưởng đến v.v... Môn sau đó lại kết hợp không dung, không tức” v.v... và ba môn kia cũng thế tức gọi là tướng bốn môn của Biệt giáo. Nếu “Có” làm môn một môn tức ba môn. Môn trước đó trọn vẹn dẫn rộng ra, môn giữa trình bày đầy đủ viên dung tức Phật trí cho đến thí dụ đầy đủ v.v..., môn sau đó kết hợp thành “viên dung tức”. Ba môn còn lại cũng như vậy gọi là tướng bốn môn của Viên giáo. Lại dùng môn Biệt nói rõ Viên, dùng môn Viên nói rõ Biệt hoặc trước hoặc sau phân biệt tướng Viên và Biệt theo thông lệ như trước v.v...

- Ước định vào hỏi, đáp nghĩa là: Nếu Hữu môn nêu ra nghĩa mà chưa biện luận rõ Viên hay Biệt giáo phải suy tìm nghiệm xét trưng cầu sự vấn đáp thì tự nhiên sẽ thấy rõ chỉ thú Viên, Biệt, ba môn cũng như vậy v.v...

- Ước định ở thí dụ nghĩa là các môn trước, sau hoặc nêu ra vàng, bạc, vật báu làm ví dụ, hoặc nêu ra ngọc Như ý, mặt trời, mặt trăng làm ví dụ, hoặc dùng kết hợp với Biệt giáo hoặc dùng sự kết hợp Viên giáo, tướng Viên Biệt tự nhiên rõ ràng. Nay dùng mười ý huyền diệu soi tìm các kinh, thì hai môn Viên Biệt tự nhiên sáng rõ. Lại ước định ở năm vị để phân biệt nhiều, ít: Nhữ giáo có hai loại bốn môn, Lạc giáo có một loại bốn môn, Sanh tô giáo có bốn loại bốn môn, Thục tô giáo có ba loại bốn môn. Kinh này chỉ có một loại bốn môn v.v... Mười nghĩa của kinh nay tức là: “quán tất cả các pháp không, như Thật tướng”, “quyết rõ pháp Thanh văn vua của cửa các kinh”, “khai mở môn phương tiện” tức là dung thông cả pháp nhân (người) của phàm phu, tiểu thừa và đại thừa. Tất cả sự sửa trị, nghiệp sanh sản của thế gian đều cùng với Thật tướng không trái nghịch nhau “người khách, làm công chính là con của Trưởng giả”. Đây là nghĩa của pháp tức “khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật”. “Nay việc cần làm chỉ có trí tuệ của Phật” tức là trí tuệ của

Phật. “Mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, vào nhà Như Lai v.v... tức là hành không thứ tự, không đoan năm dục mà làm thanh tịnh các căn. Lại nữa “vượt qua năm trăm do tuần” tức là nghĩa “không đoan đoan”. Cấp độ sáu căn thanh tịnh thuộc năm phẩm cõi “xe báu đạo chơi khắp bốn phương” tức là địa vị thật. “Phật tự an trú ở trong đại thừa dùng lực định tuệ trang nghiêm để độ chúng sanh” tức là “quả không tung”. “Chấp tay, đem tâm cung kính muốn nghe đạo đầy đủ” tức là trước vẫn nói Phật nay đã viên mãn thuyên giải. “Nghĩa Thật tướng của các pháp đã vì các ông mà nói “tức là sau vẫn nói Phật xưa, là viên mãn thuyên giải. Trí Tích và Long nữ hỏi đáp nhằm hiển bày Viên. “Hạt châu trên đầu Luân vương, xe ấy cao rộng” đều là ví dụ Viên giáo. Mười ý đã trình bày đầy đủ môn Viên giáo rõ ràng như vậy. Còn tướng của bốn môn viên dung nay sẽ nói đến. Hoặc nói “trí tuệ của Phật vi diệu bậc nhất”; lại nói “ta dùng trí tuệ của Như Lai quán sát sự lâu xa kia như hiện ngày nay” tức là trí biết được “diệu pháp hữu môn”. “Tất cả pháp không, tướng thường vắng lặng rốt cuộc đều trở về không tức không môn. “Các pháp thường vô tánh, giống Phật từ duyên khởi” tức thuộc môn “cũng không cũng có”. “Chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải hư, chẳng phải thực” tức cùng chẳng phải, cùng xả bỏ tức là thuộc môn “chẳng phải không, chẳng phải có”. Bốn tướng nêu ra môn và mười ý chọn lọc phân biệt cho nên biết kinh này nói rõ “bốn môn của Viên giáo” v.v...

Nói rõ Quán đi vào Thật: Như trên đã biết “bốn môn của Viên giáo” và nay nương vào “hữu môn” để tu quán. Quán được phân làm mười loại v.v... Đối với môn của mười hai thứ có thể nghĩ bàn trước thì gọi đây là cảnh không thể nghĩ bàn. Cảnh không thể nghĩ bàn tức là một loại thật Tứ đế. Nghĩa là khổ đế của sanh tử không thể nghĩ bàn tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Do “tức không” nên phương tiện thanh tịnh, do “tức Giả” nên viên mãn thanh tịnh, do tức “trung đạo” nên tánh thanh tịnh. Do ba thứ thanh tịnh trong nhất tâm nên được gọi là “Đại Niết-bàn”. Kinh Tịnh Danh nói “tất cả chúng sanh tức Đại Niết-bàn “cho nên gọi “Tứ đế không thể nghĩ bàn”, Không thể lại diệt. Đây là “ngay khổ đế của sanh tử” là diệt của vô tác cũng là Tập và Đạo. Tập đế phiền não không thể nghĩ bàn tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Do “tức không” nên gọi “nhứt thiết trí”, do “tức Giả” nên gọi “đạo chủng trí”, do “tức Trung đạo” nên gọi “nhất thiết chủng trí”. Do ba trí trong nhất tâm nên được gọi “Đại Niết-bàn”. Kinh Tịnh Danh nói “tất cả chúng sanh tức tướng Bồ-đề, không thể đạt được nữa”. Điều này tức Tập của phiền não mà là Đạo đế vô tác, cũng là Khổ, Diệt cho nên gọi

“một loại thật Tứ đế không thể nghĩ bàn”. Đó cũng là “chơn thiện diệu sắc”, vì sao? Vì sanh tử tức không cho nên gọi “chơn”, sanh tử tức “giả” cho nên gọi là “thiện”, sanh tử tức “trung đạo” cho nên gọi là diệu. Đây gọi là “cánh hữu môn không thể nghĩ bàn”.

Chơn chánh phát tâm: Tất cả chúng sanh tức Đại Niết-bàn thì tại sao lại điên đảo lấy vui làm khổ! Bèn khởi Đại bi và hưng phát hai thứ thệ nguyện khiến người chưa độ được độ, người chưa đoạn được đoạn. Tất cả phiền não tức là Bồ-đề thì tại sao ngu si ám muội lấy đạo làm phi đạo! Liền khởi đại từ và hưng phát hai thệ nguyện khiến cho người chưa biết được biết, người chưa đắc được đắc, Lại tiếp tục khởi “vô duyên từ Bi” với thệ nguyện thanh tịnh, căn lực từ thiện tự nhiên hấp thụ nhiếp thọ tất cả chúng sanh.

An tâm nghĩa là Thế đã hiểu thành tựu phát tâm đầy đủ há lại “xuống ao để xem cá” mà không bằng lòng kết lưới! Như gói lương thực ở chân rồi an tọa mà không đi! Việc tu hành cốt yếu không thoát ra ngoài định và tuệ. Ví như âm dương điều hòa thích hợp thì vạn vật thật sự sinh sôi nảy nở. Nếu mưa nắng không điều tiết thì vạn vật tiêu hủy há có thể sanh sôi! Nếu hai bánh quân bình thì xe có thể vận chuyển. Nếu hai cánh có đầy đủ thì chim có thể bay giữa hư không. Do thế của sanh tử tức Niết-bàn nên gọi là định. Nếu đạt được “phiền não tức Bồ-đề” thì gọi là “tuệ”. Ở trong trạng thái nhất tâm mà khéo tu “định, tuệ” thì đầy đủ tất cả hạnh”.

Phá pháp biến khắp nghĩa là dùng tuệ vi diệu này như cái búa kim cương phá tan mọi thứ, như không có mây che khuất thì mặt trời hiện ra sáng sủa. Nếu sanh tử tức Niết-bàn thì khổ đế của “phần đoạn biến dị” đều bị phá. Nếu phiền não tức Bồ-đề thì Tập đế của bốn trụ và năm trụ đều được phá trừ. Tuy lại là năng phá nhưng cũng không có sở phá. Vì sao? Vì sanh tử tức Niết-bàn cho nên không có gì để phá.

Biết rõ sự thông suốt và ngưng trệ nghĩa là như làm chủ binh lính của báu thì nắm giữ hay xả bỏ đều được tùy nghi: người mạnh thì thu phục, người yếu thì vỗ về. Biết lỗi lầm sanh tử gọi là ngưng trệ, còn biết sanh tử tức Niết-bàn thì gọi là thông suốt. Biết phiền não gây nhiễu loạn thì gọi là ngưng trệ còn biết phiền não tức Bồ-đề thì gọi là thông suốt. Bắt đầu từ bốn “Kiến chấp của ngoại đạo” cho đến bốn môn của Viên giáo đều biết rõ sự ngưng trệ và thông suốt. Nếu mỗi mỗi chấp trước thì gọi “ngưng trệ” còn tất cả mất là vi diệu thì gọi “thông suốt”. Nếu không biết thì chẳng những hành pháp không tiến tới trước mà còn bỏ mất đi sự quý báu quan trọng.

Khéo biết phẩm đạo nghĩa là quán sanh tử tức Niết-bàn khiến sắc ấm của mười cõi sanh tử đều chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh, cho đến biết thức ấm chẳng phải thường chẳng phải bất thường có thể phá trừ tám thứ điên đảo tức bốn niệm xứ của pháp tánh. Trong bốn niệm xứ ấy có đầy đủ ba giải thoát của phẩm đạo và tất cả pháp. Lại nữa, biết Niết-bàn tức sanh tử là hiển bày “bốn cây khô”, biết sanh tử tức Niết-bàn là hiển bày “bốn cây tươi tốt”, biết sanh tử và Niết-bàn không hai tức là một Thật đế chẳng phải khô, chẳng phải tươi tốt mà trụ ở Đại Niết-bàn.

Khéo tu đối trị nghĩa là: Nếu chánh đạo có nhiều chướng ngại cần phải có đạo hỗ trợ. Trong đó quán sanh tử tức Niết-bàn là để đối trị báo chướng; quán phiền não tức Bồ-đề để đối trị nghiệp chướng và phiền não chướng.

Khéo biết “thứ vị” nghĩa là nguồn gốc pháp sanh tử tức Niết-bàn, lý Niết-bàn. Nếu hiểu biết sanh tử tức Niết-bàn thì gọi danh tự Niết-bàn. Nếu chuyên cần quán “sanh tử tức Niết-bàn là quán hành Niết-bàn. Nếu công đức thiện căn sanh tức là tướng tự Niết-bàn. Nếu là tuệ chơn thật khởi lên tức là phần chơn Niết-bàn. Nếu đoạn tận bờ mé của sanh tử tức là cứu cánh Niết-bàn. Việc quán phiền não tức Bồ-đề cũng lại như vậy.

Khéo an nhẫn nghĩa là có khả năng làm an ổn các chướng ngại cương cường, yếu ớt của nội, ngoại giới mà không hủy hoại “quán tâm”. Hoặc quán sanh tử tức Niết-bàn thì không bị cảnh của ấm nhập, cảnh của bệnh hoạn, nghiệp ma, thiền, Nhị thừa, Bồ-tát v.v... làm nhiều động. Hoặc quán phiền não tức Bồ-đề thì không bị cảnh tăng thượng mạn của các Kiến giải làm khuấy động, nhiễu hại.

Không có pháp ái nghĩa là đã vượt qua chướng ngại đạo khiến căn thành tựu nên các công đức sanh. Do quán sanh tử tức Niết-bàn nên các công đức của các Thiền và Tam-muội sanh khởi. Do quán phiền não tức Bồ-đề nên các Đà-la-ni, vô úy, bất cộng và các Bát-nhã sanh khởi. Do quán sanh tử và Niết-bàn không hai nên Thật tướng Pháp thân sanh khởi, công đức tương tự thuận theo lý mà sanh. Nếu hoan hỷ khởi thì thuận đạo và pháp ái sanh thì gọi pháp ái. Do không tiến lên trên, không thối lui nên gọi là “đánh đọa” (từ pháp đánh rơi xuống). Ái này nếu khởi thì phải nhanh chóng diệt. Ái nếu diệt rồi thì phá vô minh để khai mở tri kiến Phật và chứng thể Thật tướng. Do quán sanh tử tức Niết-bàn nên chứng được giải thoát, quán phiền não tức Bồ-đề nên chứng được Bát-nhã. Hai đức này không hai cho nên chứng được Pháp

thân, một thân chính là vô lượng thân với tụ báu vô thượng và ngọc như ý viên mãn. Đó gọi là Hữu môn nhập vào Thật tướng mà chứng đắc thể của kinh. Ba môn khác cũng lại như vậy. Mười loại này xem trong kinh văn đều có đủ: “Pháp ấy không chỉ ra tướng tịch diệt của ngôn từ, các loại chúng sanh khác không có thể hiểu được”, lại nữa “pháp của ta khó nghĩ bàn” tức là cảnh không thể nghĩ bàn. “Ở trong tất cả chúng sanh mà khởi tâm đại từ, ở trong hạng chẳng phải Bồ-tát mà khởi tâm đại bi, khi ta đạt được Tam Bồ-đề sẽ dùng lực thần thông và lực trí tuệ để hướng dẫn chúng khiến trụ vào trong pháp ấy” tức là chơn chánh phát tâm. “Phật tự an trú trong đại thừa như chỗ đắc pháp của mình dùng lực định tuệ trang nghiêm” tức là an trụ ở trong hai pháp: Tự thành tựu và thành tựu người khác. “Pháp vương phá các cõi” tức là phá pháp biến khắp. Lại “như ánh sáng mặt trời, mặt trăng có thể loại trừ các tối tăm, người ấy đi trong đời có thể phá sự tối tăm của chúng sanh” tức là phá pháp biến khắp. “Có một vị đạo sư thông minh sáng suốt khéo biết tướng thông bí của con đường hiểm, dắt chúng như muốn vượt qua nạn đó”; “Tịnh Tạng, Tịnh Nhân khéo tu ba mươi bảy phẩm đạo và các Ba-la-mật” tức là bao gồm hai ý “tăng trưởng đạo và làm tổn giảm sanh. “Đạo chơi khắp bốn phương” tức là biết “thứ vị”. “An trụ trong bất động như đỉnh núi Tu-di”, “mặc y của Như-Lai” tức là an nhẫn. Tuy nghe các âm thanh ấy, lắng nghe mà không chấp trước, sáu căn như ý v.v... đều nói thanh tịnh như đây”, lại nói “chơn tịnh đại pháp” tức là không có pháp ái. Mười loại quán này nằm rải rác trong kinh văn nhưng mọi người không biết. Nay gom lại mười số nhập vào “hữu môn” làm quán cho đến ba môn giống nhiều khác ít. Mười quán nhập vào Thật tướng cũng lại như vậy. Lại nữa, ý của mười quán này chẳng những lấy ra từ kinh này mà kinh luận đại thừa và tiểu thừa cũng đầy đủ ý ấy. Như núi Ma-lê toàn chứa chiên đàn. Tất nhiên, chẳng phải lưu xuất từ bốn bộ Vệ-đà của ngoại đạo và sách kinh của Trang Tử. Lão Tử. Người đời tuy đều cùng giảng giải và đọc tụng nhưng đối với văn lại không biết. Nếu muốn học đạo hoàn toàn không có phương tiện thì thật đáng thương! “Chỉ uống biết cái vỏ bọc bên ngoài mà không hiểu rõ sự nhiễu động bên trong. Nếu biết rõ mười ý thì ở trong bốn môn của tiểu thừa đều dùng nhập “chơn” và ở trong bốn môn của đại thừa đều dùng nhập “thật”. Đã nhập vào thật rồi thì như ăn cháo sữa lại không cần gì nữa! Như nửa hạt châu Như ý, toàn hạt châu Như ý mà bố thí tất cả, tuy có sự bố thí này nhưng không thấy có người khinh sống trọng đạo, siêng năng tâm tu tập, mà không thọ không dùng, chỉ uống bố thí đâu có ích gì? Ta

thực sự tiếc cho vậy! Tuy không có gì lợi ích nhưng cũng tạo ra nhân “trống độc”, (muốn biết đầy đủ xin xem trong Chỉ Quán v.v...)

Nói đến các môn thô và diệu thì được phân ra làm hai phần: 1. Căn cứ ở “năng, sở” (chủ thể, khách thể) để phán quyết thô và diệu; 2. Căn cứ ở có các môn để phán quyết thô và diệu.

Năng và sở gồm có bốn câu: Môn gọi là năng thông còn lý gọi là sở thông. Bốn câu ấy chính là: năng thông thô thì sở thông cũng thô; năng thông diệu sở thông thô, năng thông thô mà sở thông diệu, năng thông diệu, sở thông cũng diệu. Bốn môn của Tam tạng giáo phù trợ sự gân và cạn cột nên “năng thông” thô, chỉ thuyên giải “thiên chơn” nên “sở thông” cũng thô. Bốn môn của Thông giáo thuộc pháp thể của đại thừa như thật khéo léo vượt qua nên “năng thông” diệu, còn thiên lệch chứng đắc ở ba thừa nên “sở thông” thô. Bốn môn của Biệt giáo dạy đạo phương tiện nên “năng thông” làm thô, lý thuyên giải đi vào “viên chơn” nên “sở thông” diệu. Bốn môn của Viên giáo chứng đạo thật sự nói nên “năng thông” diệu, do tức sự mà viên nên “sở thông” cũng diệu. Lại nữa, do tự có gánh vác năng và sở thô chính là vị “sanh tô” giáo. Nếu không có gánh vác năng và sở thô, tức là vị “nhũ giáo”. Nếu tự có gánh vác sở thô không gánh vác năng thô thì gọi là “thục tô giáo”. Nếu tự có gánh vác năng thô mà không gánh vác sở thô thì chính là Viên giáo tiếp nối Thông giáo và Biệt giáo. Các môn trong Niết-bàn cũng lại như vậy.

Hỏi: Kinh nói: “chỉ có một môn mà nhỏ hẹp tức vì thô nên gọi “một thứ nhỏ” hay vì diệu nên gọi “một thứ nhỏ”?

Đáp: Nghĩa này phải dùng chung không thể gói gọn tại một môn, vì sao? Vì như trong Tam tạng giáo ứng, vì căn cơ khác biệt cho nên nói có bốn môn. Do đồng là Phật giáo nên nói chỉ có một môn, vì phương tiện khác nhau nên nói có bốn môn. Do đồng hướng về Niết-bàn nên nói có một môn. Do “sở thông” thuận theo “năng thông” nên nói có bốn môn và “năng thông” gom cả “sở thông” nên nói có một môn. Trong văn tự không có Bồ-đề là ước định ở giáo để luận về nhỏ hẹp. Ví như đường hẹp nhiều hiểm trở, không thể chấp nhận hai người đi qua cùng một lúc tức ước định ở hành mà luận về nhỏ hẹp. Hai môn hành và giáo nắm lấy chơn thật nên khó khế hợp tức ước định ở lý mà luận về nhỏ hẹp v.v... Thông giáo cũng như vậy, vì phù hợp với duyên, riêng biệt nói cho nên phân làm bốn môn, do đồng là Phật giáo nên nói một môn, do quán pháp bất đồng nên nói có bốn môn, do đều hướng vào “vô sanh” nên nói một môn, do “sở” tùy thuộc vào “năng” nên nói có bốn môn

và năng tùy vào sở nên làm một môn. Thông giáo nói “tức sự mà chơn, trong văn tự có Bồ-đề, thiện ác đều quán đều không thể đạt được” tức là đều thuộc hành. Nếu không ước định vào nghĩa này để luận nhỏ hẹp thì chỉ giáo quán nắm lấy chơn lý tức khó phù hợp cho nên gọi lý là nhỏ hẹp v.v... Bốn môn của Biệt giáo cũng như vậy: vì bốn loại căn cơ cho nên nói có bốn môn, đồng là Phật giáo cho nên nói một môn. Nhập vào thật quán khác nhau cho nên nói bốn môn, đều hướng về một thật quán nên nói một môn; vì “sở” tùy thuộc vào “năng nên nói bốn môn và “năng bao gồm “sở” cho nên nói một môn. Vì không có “tức sanh tử là Niết-bàn” nên giáo nhỏ hẹp; vì không có “tức phiền não là Bồ-đề” nên hành nhỏ hẹp. Giáo hành nắm lấy lý mà khó đảm trách nên lý luận nhỏ hẹp. Bốn môn của Viên giáo cũng như vậy: vì thích ứng với bốn loại căn cơ nên nói bốn môn và đều là lời của Phật nói nên là một môn; nhập vào thật quán khác nhau nên nói bốn môn, và bốn quán đều hướng về “thật” nên nói một môn; nương môn mà gọi lý nên nói bốn môn và lý ứng hợp với môn nên nói một môn. Giáo này nói “tức sanh tử là Niết-bàn” nên giáo không nhỏ hẹp, phiền não tức Bồ-đề nên hành không nhỏ hẹp. Tuy nhiên, giáo này quán sát nhận lấy lý khó tương đương nên gọi là nhỏ hẹp. Nếu nương vào kinh văn thì chỉ có một môn nhưng lại nhỏ hẹp. Điều này chính nói đến môn của giáo và hành do nắm lấy lý không tương đương cho nên nói nhỏ hẹp. Nay nêu ra một câu mà mỗi chỗ bất đồng thì há có thể định chấp giữ lấy một văn! Nếu hiểu được ý này thì thô, diệu tự nhiên sáng tỏ v.v...

Căn cứ ở các môn để phán quyết thô và diệu: Trước nêu ra bốn môn của Tam tạng giáo đều là bốn môn năng thông chấp trước đều có ngăn ngại và thành hoại thô diệu lại không có thấp kém và vượt trội. Điều này tức không thể phán quyết thiên lệch. Nếu từ pháp mà nói hữu môn tức kế bên, tục nhập đạo là vụng về, “không môn” bên cạnh, chơn nhập đạo thì khéo léo. Do đó Thích Luận nói “vì người độn căn mà nói “sanh không”, vì người lợi căn mà nói “pháp không” tức là nghĩa ấy. Môn “cũng có cũng không” nếu so với về trước thì nó lại khéo léo còn vọng nhìn về sau thì nó lại vụng về. Môn “chẳng phải có chẳng phải không” tức là khéo léo. Đại Luận nói “nửa có nửa không thì gọi là người độn căn”. Đây là ước định vào bốn môn pháp để phán quyết thô và diệu. Nay ước định vào tiện nghi căn tánh tức nếu thích nghi với “hữu môn” thì hữu môn thành còn ba môn kia hoại, Nếu thích nghi với “vô môn” thì vô môn thành còn ba môn kia hoại. Cho đến môn thứ tư cũng lại như vậy. Nếu căn cứ ở một môn đều được Bốn Tất-đàn thì đều

gọi là thành còn mất bốn Tất-đàn thì đều gọi là hoại. Lại nữa, căn cứ một môn hưởng đến dục là được còn trái với tình gọi là mất, thích nghi là được, không thích nghi là mất; trị bệnh là được, không trị bệnh là mất, thấy Đệ nhất nghĩa là được, không thấy đệ nhất nghĩa là mất, truyền đạt có “thành, hoại” nên ước định ở đây để luận về thô và diệu.

Lại nữa ước định vào mười quán để phán quyết thô và diệu nghĩa là quán cảnh nhân duyên chính đáng là được còn cảnh tà vậy là mất, phát tâm chơn chánh là được còn không như vậy là mất, đạt đến chỗ an tâm là được còn không điều hòa an tâm là mất, phá pháp biến khắp là được còn không phá biến khắp là mất, biết rõ sự thông bí là được còn không biết sự thông, bí là mất, cho đến thuận với đạo khiến pháp ái không sanh là được còn thuận đạo mà pháp ái sanh là mất. Nếu mười pháp của một môn thành tựu thì môn này là diệu còn môn khác là thô. Nếu mười pháp của môn khác thành tựu và môn này không thành tựu thì môn này là thô còn môn khác là diệu v.v...

Thô và diệu thuộc bốn môn của Thông giáo: Lý thông suốt chỉ có một. Do chỉ có một nên không thể nói, vậy có hình ảnh gì đem so sánh thô và diệu để có thể luận bàn? Nhưng căn cứ ở ứng căn cơ nói môn, thì không thể không có hơn kém để phán quyết sự sâu cạn của bốn môn như trong Tam tạng giáo đã trình bày. Lại nữa, ước định ở mỗi môn, nếu nói gom cả căn cơ của bốn Tất-đàn thì gọi đó là diệu còn trái với bốn căn cơ thì gọi là thô. Nếu ở trong mười quán của mỗi môn mà tu hành thì chỗ đạt được của mỗi câu là diệu còn chỗ mất của mỗi câu là thô. Do thô cho nên “bốn phía đều bị lửa thiêu đốt” khiến không được vào ao “mát mẽ”. Vì khác với điều này nên gọi đó là diệu.

Thô và diệu thuộc bốn môn của Biệt giáo nghĩa là: Nếu luận về pháp tướng thì “hữu môn” phụ thuộc vào sự nên gọi đó là thô còn “không môn” nghiêng về lý nên gọi là diệu, không môn chỉ có lý nên gọi “thô”, hai môn cũng có cũng không đều thông suốt nên gọi là diệu, hai môn cũng có cũng không tồn tại nên gọi là thô còn hai môn chẳng phải không, chẳng phải có được xả bỏ nên gọi là diệu. Nếu ước định ở căn duyên thì không phải như vậy. Ngược lại “hữu môn” xứng với dục nên gọi là diệu còn ba môn kia không xứng với dục nên gọi là thô; “hữu môn” thích nghi nên gọi là diệu còn ba môn kia chẳng thích nghi nên gọi là thô, “hữu môn” đối diện ác nên gọi là diệu còn ba môn kia chẳng đối diện ác nên gọi là thô, “hữu môn” thấy “Đệ nhất nghĩa” nên gọi là diệu còn ba môn kia không thấy “Đệ nhất nghĩa” nên gọi là thô. Ba môn còn lại cũng như vậy. Lại nữa, biết cảnh chơn thiện diệu

sắc của hữu môn thì gọi là “Trấn-đầu-già” còn không biết cảnh ấy gọi là Già-la-già, do chánh phát tâm nên gọi là Trấn-đầu-già còn không phát tâm chơn chánh thì gọi là Già-la-già, có định tuệ an tâm thì gọi là Trấn-đầu-già còn không có hai pháp an tâm thì gọi là Già-la-già, phá các pháp biến khắp thì gọi là Trấn-đầu-già còn phá pháp không biến khắp thì gọi là Già-la-già, khéo biết sự thông, bíт gọi là Trấn-đầu-già còn không biết sự thông bíт thì gọi là Già-la-già, tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là Trấn-đầu-già còn không tu ba mươi bảy phẩm đạo thì gọi là Già-la-già, khéo hiểu pháp đối trị thì gọi là Trấn-đầu-già còn không khéo đối trị thì gọi là Già-la-già, khéo biết thứ vị gọi là Trấn-đầu-già còn không biết thứ vị thì gọi là Già-la-già, an nhẫn bất động gọi là Trấn-đầu-già còn không thể an nhẫn thì gọi là Già-la-già, không thuận với đường ái thì gọi là Trấn-đầu-già còn thuận với đường ái thì gọi là Già-la-già. Quả Già-la-già thì có chín phần còn quả Trấn-đầu-già chỉ có một phần. Nếu mười quán thành tựu thì mười phần Trấn-đầu và mười quán đều vi diệu. Nếu chín phần Già-la thì một phần Trấn-đầu vi diệu. Một ngàn cân hoa điệp trị giá không bằng một, lượng vàng thật cho nên ước định ở đây để phán quyết thô và diệu. Hữu môn đã thế thì ba môn còn lại cũng như vậy.

Bốn môn của Viên giáo đều là diệu chứ không có thô, vì sao? Vì “hữu môn” làm pháp giới thu nhiếp tất cả pháp, không thể nghĩ bàn tức là tất cả pháp hướng lại là ba môn! “Không môn” tức là pháp giới thu nhiếp tất cả pháp hướng lại là ba môn. Hai môn còn lại cũng như vậy. Pháp tướng vốn bình đẳng không có hơn và kém. Nếu như vậy thì không có sự sai khác của bốn môn? Tuy nhiên, do thuận theo căn cơ hướng đến duyên mà nói bốn môn: Như bốn ngón tay chỉ lên một mặt trăng. Mặt trăng thì chỉ có một mà có bốn ngón tay chỉ lên, vì sao? Đây là do chúng sanh huân tập nhiều đời nên có bốn môn này. Nhân đó thành tánh mà truy tìm Lý ở trong bốn môn xưa kia, muốn đảo lại vô minh tức thành căn, tánh, của tuệ; căn, ở trong bốn môn xưa kia tu thiện, muốn lật lại ác nghiệp tức thành căn tánh, phước đức. Do nhân duyên phước tuệ chiêu cảm nên nay gọi sắc, xúc, thọ với mỗi thứ ở trong sự huân tập căn bản mà khởi lên ái, thủ. Đây là vì mười pháp mà thành tánh trọn đầy, nhưng ưa muốn của chúng sanh bất đồng nên sự đối trị thích ứng có khác. Trí tuệ của Phật chiếu soi rõ căn cơ không có sai biệt: dùng “thế giới Tất đàn” phù hợp bốn tánh ưa muốn mà nói bốn môn này; dùng “vị nhưn Tất đàn” mà sanh khởi bốn thiện, dùng “đối trị Tất đàn” để đối trị bốn tình chấp của chúng sanh, dùng “Đệ nhất nghĩa

Tất đàn” khiến bốn hạng người thấy lý. Nếu không có bốn duyên này thì Phật không thuyết pháp. Duyên đã không phải một nhưng lược nói bốn môn kia, đều là “chính xả bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”. Tướng của môn viên dung cả bốn môn đều diệu. Đây là căn cứ ở giáo môn để phán quyết về thô và diệu, vì sao? Vì nếu không nắm bắt được ý của bốn Tất-đàn thì các luận tranh cãi kịch liệt, vậy ai có khả năng dung thông! Như Địa Luận có hai đạo Nam, Bắc và Nhiếp Đại Thừa hưng khởi mỗi thứ tự cho là đúng, bài xích lẫn nhau khiến rơi vào chỗ trái nghịch. Nếu không nắm bắt được ý thì bốn môn đều mất. Nhưng môn Viên giáo dung thông giáo thanh tịnh còn hư huyền khiến tiêu tan việc giải thích kinh luận thì tại sao phải tranh cãi không dứt! Nếu muốn nhập vào đạo thì môn nào lại không thông! Khi ngộ được lý rồi thì há nên còn bốn môn! Khi tu hành thì há còn ngưng trệ! Nhưng bốn môn ngưng trệ có khinh, trọng, môn của Biệt giáo ngăn cách. Người ngộ đạo thì không trái nghịch còn người chưa ngộ thì thành ra tranh cãi khiến tình chấp trở nên nặng nề hơn. Ví như con ngựa ngu, đánh đau cả tay mới chịu đi, Môn Viên hư vô, huyền ảo. Khi chưa ngộ, thì người đó chấp nhẹ nhàng. Ví như con ngựa lanh lợi thấy bóng roi tức liền đi. Như tình chấp nhẹ nhàng này, nếu chưa đạt được lợi ích của Đệ nhất nghĩa Tất đàn thì cũng không mất lợi ích của ba-Tất-đàn còn lại. Do đó Luận nói “Bốn tất-đàn này đều là thật chứ không hư dối”, vì sao? vì “thế giới” cho nên thật, cho đến thấy “Đệ nhất nghĩa” nên thật. Tuy đều là thật nhưng thật ấy có sâu cạn, cũng đều là hư, vì sao? Vì như Hữu môn thuyết “thế giới tất-đàn” đối với ưa muốn chúng sanh là thật, đối với điều khác là hư, hữu môn sanh khởi thiện là thật còn đối với điều khác là hư, hữu môn phá ác là thật còn đối với điều khác là hư, hữu môn thấy “Đệ nhất nghĩa” là thật đối với điều khác là hư, cho đến ba môn cũng lại như vậy. Ba Tất đàn của hữu môn đối với “thế giới” là thật còn đối với “Đệ nhất nghĩa” là hư, một Tất đàn đối với “Đệ nhất nghĩa” là thật còn đối với “thế giới” là hư. Vì thật cho nên là diệu còn vì hư cho nên thô v.v... Nếu lấy thô làm diệu để ước định ở năm vị giáo thì Nhữ giáo có tám môn gồm bốn thứ thô và bốn thứ diệu, và lý sở thông suốt đều là diệu, bốn môn của Lạc giáo là thô nên lý cũng là thô, Sanh-tô giáo có mười sáu môn gồm mười hai môn thô và bốn môn diệu và hai lý sở thông là thô, hai lý sở thông là diệu, Thục-tô-giáo có mười hai môn mà trong đó có tám môn là thô còn bốn môn là diệu nhưng một lý là thô còn một lý là diệu. Pháp Hoa có bốn môn đều là diệu nên một lý cũng vì diệu. Các vị Thanh văn từ trước đến nay ở trong môn lý đều là thô

nhưng đến trong môn lý của Pháp Hoa đều dung thông diệu. Bồ-tát thì không nhất định, hoặc ở trong môn lý của Phương Đẳng, Bát-nhã mà viên dung vi diệu, còn hàng chậm lụt nhất thì đồng với Nhị thừa. Niết-bàn có mười sáu môn mà trong đó mười hai môn thô và bốn môn diệu nhưng lý sở thông đều là diệu, vì sao? Vì sự thô diệu của các môn trước nay đều thông suốt nhưng vẫn còn “quyền lý”. Niết-bàn thì không phải như vậy; mà trong tất cả các pháp thấy đều có tánh an lạc. Các chúng sanh ấy đều có Phật tánh, không có “quyền lý” mà chỉ có một “diệu lý” nhưng vẫn còn môn thô làm “diệu lý” với phương tiện đều nhập vào Thật tướng. Như Phạm Chí hỏi Phật “nhân là vô thường thì quả sao gọi là thường?” Đức Phật trả lời bằng cách hỏi ngược lại v.v... nên biết. Như trăm sông đổ về biển cả, các môn đều gom vào “thật lý”. Thật lý cần gấp cho nên phải dung thông. Nhưng vì muốn tiếp dẫn người độn căn nên còn phương tiện thô. Pháp Hoa chiết phục phá trừ “quyền lý”. Như vàng, cát trong sông lớn không có quanh co trở lại, Niết-bàn nhiếp thọ lại chấp nhận “quyền môn” với mỗi thứ vì nhân duyên còn giữ hay phế bỏ mà có khác. Tuy nhiên, vàng, cát trăm sông đổ ra biển cả không có riêng biệt v.v...

Khai mở môn thô để hiển bày môn diệu được trình bày như sau.

Hỏi: Trung Luận trước tiên nêu ra môn Ma-ha-diễn và sau nêu ra môn Nhị thừa nhưng nay do ý gì lại trước nêu ra môn tiểu thừa và sau nêu ra đại thừa?

Đáp: Trung Luận vì Kiến giải (thấy) của người lúc bấy giờ thành bệnh nên trước tiên dùng đại thừa rộng lớn và sau chỉ ra môn nhập chơn thật. Kinh nay không có bệnh “thấy” chỉ trụ vào “thảo am” nên cần mở môn phương tiện để chỉ rõ Thật tướng viên mãn do vậy trước hết liệt kê môn tiểu thừa và kế đó nói rõ môn đại thừa. Sự khai và phá thích hợp thời gian thì mỗi môn đều có sự tốt đẹp của nó. Như giáo sau của Pháp Hoa không cần khai lại, và giáo trước Pháp Hoa hoặc môn lý đã nhập vào diệu thì chỗ nào khai lại? Hoặc môn, lý tuy diệu nhưng người chưa diệu, hoặc môn, lý diệu thì cũng không cần khai mở. Nếu môn, lý và người chưa vi diệu thì nay phải khai mở. Nghĩa là khai mở tất cả ái, kiến, phiền não tức Bồ-đề cho nên nói “quán tất cả pháp không như Thật tướng”. Do khai mở tất cả chúng sanh tức là Niết-bàn cho nên nói “tướng thế gian thường trụ”. Do khai mở tất cả phàm phu tức người vi diệu cho nên nói “tất cả chúng sanh đều là con của ta”. Do khai mở tất cả ái kiến, ngôn giáo tức là Phật pháp cho nên nói “nếu nói đến kinh sách trị nghiệp sanh sản của thế gian thì đều cùng với Thật tướng không

trái nhau”. Do khai mở tất cả chúng sanh tức là diệu lý cho nên nói “vì khiến cho chúng sanh khai mở tri kiến Phật”. Thị, ngộ, nhập v.v... cũng lại như vậy. Do khai mở tất cả pháp của tiểu thừa tức là diệu pháp cho nên nói “quyết rõ pháp Thanh văn là vua của các kinh”. Do khai mở tất cả giáo của Thanh văn cho nên nói “Phật xưa kia ở trước các Bồ-tát chê trách Thanh-văn nhưng Phật thật sự dùng đại thừa mà thấy để giáo hóa”. Do khai mở tất cả hạnh của Thanh văn tức là “diệu hạnh” cho nên nói “chỗ hành của các ông là đạo của Bồ-tát”. Do khai mở lý của Thanh-văn tức là “diệu lý” cho nên nói “khai mở môn phương tiện để chỉ ra tướng chơn thật”. Vì khai mở cho các Bồ-tát chưa được vì diệu khiến nay đều được viên mãn cho nên nói “Bồ-tát nghe pháp ấy, lưới nghi đều đã dứt”. Biệt giáo có một hạng Bồ-tát, Tam tạng giáo cũng có một hạng Bồ-tát, Thông giáo có một hạng Bồ-tát vì chưa hiểu rõ nên nay đều khai mở hiển bày. Hoặc môn, hoặc lý không gì không thể nhập vào diệu cho nên gọi “khai mở quyền để hiển bày thật, quyết rõ thô trở nên diệu” v.v...

5. Thật tướng vì các kinh mà làm thể được phân làm năm mục: a. Thể của kinh này có nhiều tên gọi khác; b. Thể của các kinh có nhiều tên gọi khác; c. Chọn lọc chánh và phụ; d. Giản lược đây và kia; đ. Khai mở thô để hiển bày diệu.

- Tên gọi thể của kinh này trước sau có đồng có khác nghĩa là phẩm Tựa nói “nay Phật phóng ánh sáng hào quang để hỗ trợ phát khởi nghĩa Thật tướng”, lại nói “nghĩa Thật tướng của các pháp đã vì các ông mà nói”, trong phẩm Phương tiện rộng nói “chư Phật vì một sự nhân duyên lớn: khai mở tri kiến Phật và ấn Thật tướng của đạo vô thượng”, trong phẩm Thí Dụ nói “xe lớn dụ cho đại thừa”, trong phẩm Tín Giải nói “phó chúc gia nghiệp”, trong phẩm Dược Thảo Du gọi đó là “tất cả trí địa rất thật”, trong phẩm Hóa Thành gọi đó là “Bảo sở”, trong phẩm Thọ Ký gọi đó là “châu trong áo”, trong phẩm Pháp Sư gọi đó là “tạng bí mật”, trong phẩm Bảo Tháp gọi đó là “tuệ lớn bình đẳng”, trong phẩm An Lạc Hạnh gọi đó là “Thật tướng”, trong phẩm Thọ Lượng gọi đó là “chẳng phải như chẳng phải khác”, trong phẩm Thần Lực gọi đó là “tạng bí yếu”, Trong phẩm Diệu Âm gọi đó là “khắp hiện sắc thân tam-muội”, trong phẩm Quán Âm gọi đó là “Phổ môn”, trong phẩm Khuyến phát gọi đó là gieo trồng các gốc đức”. Hết thấy như vậy v.v... với tên gọi khác, bất đồng và nghĩa ấy cũng khác. Do lý rất chơn thật, lấy thật làm tướng cho nên gọi “Thật tướng”, linh tri vắng lặng chiếu soi cho nên gọi “tri kiến Phật”, chư Phật ở ba đời chỉ dùng Thật tướng

này mà tự hành và hóa tha này cho nên nói “sự nhân duyên lớn, như hư không thông suốt nên gọi là đạo, chính quyết định các pháp nên gọi “ấn Thật tướng”, vận chuyển nên gọi là “thừa”, thành tựu Phật sự nên gọi “gia nghiệp”, làm chỗ nương tựa của các pháp nên gọi “trí địa”, đầu tiên của các pháp nên gọi “bảo sở”, viên mãn nhiệm mầu khó nghĩ bàn nên gọi “châu báu”, không có chỗ nào tích tụ mà bao hàm các pháp nên gọi là “tạng bí mật” bí mật, trọng yếu thông đạt vô ngại nên gọi là “tuệ lớn bình đẳng” ngăn ngừa nhị biên nên nói “chẳng phải như chẳng phải khác”, sắc vi diệu tự tại nên nói “hiện khắp Tam muội”, là cơ sở hội nhập thật nên gọi “Phổ môn”, các pháp nương vào đó mà sanh khởi nên gọi “nguồn gốc của đức”. Như vậy, danh, nghĩa có sự sai biệt nhưng thể tức Thật tướng không khác như trên đã nói v.v...

- Thể của các kinh có nhiều tên gọi khác được trình bày như sau:

Hỏi: Thích Luận nói “không có ấn Thật tướng là Ma nói” nay bàn về Thật tướng có thể dùng làm thể những kinh khác không phải thể như vậy, lẽ nào là Ma thuyết? Đáp: Không đúng vậy! Tên gọi thể của các kinh khác nhau hoặc “chơn thiện diệu sắc”, hoặc “tất cánh không” hoặc “Như lai tạng”, hoặc “Trung đạo” v.v... Còn nhiều cách gọi khác không thể nêu ra đầy đủ nhưng đều là tên gọi riêng biệt của Thật tướng, thấy đều là ấn chơn chánh đều xứng với Đệ nhất bởi vì là ấn thật. Nếu mất ý này thì chẳng phải là Phật pháp cho nên nói “thể của các kinh đồng nhau”.

- Chọn lọc chánh và phụ (bên cạnh) tức là thể sai khác lớn nhỏ, một nửa đầy đủ của các kinh có chánh và phụ. Chánh tức là Thật tướng còn phụ tức “thiên chơn”. “Thiên chơn” hoặc có lúc bao hàm “Thật tướng” và Thật tướng hoặc có lúc gán vác “thiên chơn” nhưng gọi thông suốt là “Thật tướng”. Do vậy Trung Luận nói “đối với Thật tướng, ba người cùng đạt được”. Cùng đạt được tức là “thiên chơn”. Đại kinh nói “hàng Thanh văn chỉ thấy “không” và “không” tức là phụ Bạc trí thấy “không” và “bất không” thì “bất không” tức chánh. Kinh này nói “chúng con xưa kia đồng nhập vào pháp tánh” thì pháp tánh là phụ, còn nói “ngày nay an trụ trong thật trí” thì thật trí ấy tức là chánh. Nên biết ba pháp ấn của tiểu thừa là phụ, Thông giáo dùng phụ để biện rõ chánh, Biệt giáo và Viên giáo chỉ nói lên chánh mà không biện luận phụ. Nếu ước định ở năm vị giáo thì Nhũ giáo chỉ luận về chánh, Lạc giáo chỉ luận về phụ, Sanh tô và Thục tô giáo nói rõ cả chánh và phụ tương quan với nhau, Đề hồ giáo chỉ luận về chánh. Lại nữa, Thật tướng chánh có nhiều tên gọi. Nếu ước định ở danh tự để luận về chánh và

phụ thì như Thắng Man nói tự tánh thanh tịnh là chánh còn tên khác là phụ; Hoa Nghiêm dùng Pháp thân làm chánh; Bát-nhã dùng “nhứt thiết chủng trí” làm chánh, Niết-bàn dùng Phật tánh làm chánh, kinh này dùng “một thừa Thật tướng” làm chánh còn tên gọi khác làm phụ. Điều này tức chẳng phải phụ, chẳng phải chánh mà luận về chánh phụ đều là thể của kinh.

- Giản lược đây và kia nghĩa là: Ở trên đã căn cứ tên gọi khác của hai pháp Viên giáo và Biệt giáo để giản lược, nay lại thông suốt căn cứ ở bốn câu của tiểu thừa và đại thừa để giản lược: hoặc danh, nghĩa, thể cùng đồng với kinh này, hoặc danh, nghĩa, thể với kinh này khác, hoặc danh, nghĩa cùng kinh này đồng nhưng thể lại khác, hoặc danh, nghĩa cùng kinh này khác nhưng thể lại đồng. Trong Tam tạng giáo, nếu danh, nghĩa làm Thật tướng thì danh nghĩa cùng kinh này đồng nhưng thể lại khác. Nếu không có danh làm Thật tướng thì danh, nghĩa, thể cùng kinh này khác, chỉ luận hai câu có và không. Thông giáo lấy danh Thật tướng làm thể thì danh nghĩa này đồng mà thể lại khác. Nếu không tạo ra danh này thì danh nghĩa thể đều khác. Nếu môn Thông giáo xa thông suốt trung đạo thì danh, nghĩa thể đồng hoặc danh nghĩa khác mà thể lại đồng. Biệt giáo so với bốn câu kinh của Viên giáo thì như trong một pháp mà phân biệt tên gọi khác v.v... Nếu phân tích qua năm vị giáo thì Nhữ giáo có hai loại danh, nghĩa đồng và hai loại danh, nghĩa khác nhưng thể lại đồng, Lạc giáo thì như trước v.v..., Sanh tô và Thục tô giáo cũng như trước v.v... trong Niết-bàn có bốn loại danh nghĩa đồng và danh nghĩa khác nhưng đều đồng thể: một Phật tánh không có sai biệt v.v...

- Thô và diệu: ở trong chánh thực tướng, với tên gọi khác nhau của chánh và phụ tức là danh khác và nghĩa khác mà thể ấy vốn đồng. Ở đây không có thô và diệu mà chỉ lấy phụ làm thô, phụ bao hàm chánh, chánh đeo mang phụ, một sự qua lại cũng làm thô, chỉ có chánh làm diệu. Tam tạng và Thông giáo có danh đồng và nghĩa đồng nhưng thể lại khác tức hoàn toàn là thô. Danh, nghĩa của Biệt giáo hoặc đồng hoặc khác với môn, giáo khác nhau làm thô, thể đồng làm diệu. Tuy danh, nghĩa đồng và danh, nghĩa khác làm thô nhưng thể đồng làm diệu. Trái qua trong năm vị giáo, thô diệu như vậy có thể biết. Khai mở thô là khai mở phụ, hoặc khai mở giáo bên cạnh chính là chánh giáo như Kinh nói “Phật xưa ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn nhưng Phật thực sự dùng đại thừa để giáo hóa” hoặc khai mở hạnh phụ tức chánh hạnh như kinh nói “thực hành của các ông là đạo của Bồ-tát”, hoặc khai mở người bên cạnh tức người chánh như nói “cái giá trong một ngày của người khách

làm tức là con của trưởng giả”, hoặc khai mở thể phụ tức chánh thể “nhằm khai mở môn phương tiện để chỉ ra tướng chơn thật” như kinh nói: “sau thấy gã nghèo này mới chỉ ra chỗ cất dấu châu báu “Đây cũng chính là quán sâu lý bên cạnh tức chánh lý. Tất cả đều vi diệu không có thô có thể đối đãi tức là ý chánh của kinh.

6. Thể của các hành được phân làm bốn mục: a. Các hành đồng và khác; b. Nương vào kinh để tu hành; c. Thô và diệu; d. Khai mở thô.

- Các hành đồng và khác nghĩa là: Hễ nhận lãnh giáo để lập hành thì không ngoài sự tin pháp. Người độn căn nhân nơi nghe mà được hiểu, rồi từ hiểu mà thiết lập hành cho nên gọi là Tin hành. Người lợi căn tự tìm tòi mà được hiểu rồi từ hiểu mà thiết lập hành cho nên gọi là Pháp hành. Hai cách thực hành ấy thông suốt cả bốn giáo: Tín và Pháp hành của Tam tạng giáo dùng Thật tướng phụ làm thể, Tín, Pháp của Biệt giáo lấy chánh làm thể, Tín Pháp của Viên giáo cũng dùng chánh làm thể. Nếu luận rộng về hành thì tức là các Ba-la-mật, từ, bi, hỷ, xả v.v... phải nương giáo để luận về thể. Nếu luận ngang dọc thì các hành có thể tức là Bản (vốn) thiết lập khiến đạo sanh trưởng. Nếu thể có hành tức là thể nhờ hành để hiển bày. Nếu nhấn mạnh nêu ra “hành dọc” của Viên giáo thì năm phẩm, sáu căn đều dùng “tướng tự chánh” làm thể, Sơ trụ cho đến Đẳng giác đều dùng chơn thật chánh làm thể. Nếu là “hành ngang” thì như Đại Phẩm nói “tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn không thể đạt được”. Do không thể đạt cho nên là “Thật tướng chơn chánh”. Văn này nói “không thể đạt các Pháp Hoặc có hoặc không v.v... hay “ban cho các con một loại xe lớn” tức là nghĩa ấy. Nho Đồng thấy Phật Nhiên Đăng mà đạt được “pháp nhẫn vô sanh” tức là hành có “chơn thể”. Kim Cang Bát-nhã nói “không trụ vào tướng mà bố thí thì giống như người có mắt thấy nhiều loại sắc” tức cũng có nghĩa ấy. Nếu “hành dọc” có thể thì “xe ấy tức cao” và “hành ngang” có thể thì “xe ấy tức rộng”. Do cao và rộng lớn nên vận chuyển từng bước bình ổn ngay thẳng nhanh như gió v.v..

- Nương vào kinh để tu hành nghĩa là: Ý của hai hành Tín và Pháp trước đây thông suốt thời gian rất rộng, hoặc trải qua số kiếp ví như “thước tròn dài” (trường vi). Nếu nương vào các kinh riêng biệt nêu ra “hành pháp” thì khắc ngày chế giờ ví như “khổ bị bao vây”. Nếu tùy sự mà hành thì mỗi “hành” đều không có thể. Nếu tùy lý hành thì khiến “tuệ không” này cùng với hành tương ứng nên có thể phá vô lượng tội gây chướng ngại đạo và có thể chứng đắc “pháp nhẫn

vô sanh” tức hành này có “thể”. Các kinh nêu riêng các hành tuy có nhiều thứ nhưng lược nói chỉ có bốn: thường hành hành, thường tọa hành, bán hành bán tọa hành, chẳng phải hành chẳng phải tọa hành. Các hành, mỗi thứ đều có sự tướng và phương pháp. Nếu chuyên cần khổ luyện thân thì thấy đều dùng “chánh quán Thật tướng” làm “thể” khiến niệm niệm thanh tịnh không có gián đoạn như “không”. Nếu luận đủ về “ý quán” thì như trong Chỉ, quán nói. Tuy nhiên, tạng Giới của tiểu thừa không chấp nhận sám hối tội trọng, còn tạng Kinh khiến người phạm tội trong niệm thấy thân Phật. Niệm thân Phật tức là niệm “không”. Điều này cũng có đầy đủ phương pháp của hành thường v.v... nhưng lấy “thiền không” làm thể. Thông giáo cũng nêu ra phương pháp của hành thường v.v... nhưng dùng “tức không” làm thể. Hành của Biệt giáo trải qua hành Biệt và Viên dung thông nhưng đều lấy “thật chướng chánh” làm thể. Nếu lấy bốn hành này trải qua năm vị giáo để luận về thể của phương pháp với nghĩa suy ra có thể biết.

- Tho và diệu nghĩa là: Tín, Pháp hành của Tam tạng, và Thông giáo với các hành ngang dọc chơn thật tướng tự lấy Thật tướng phụ làm thể khiến thể và hành đều thô, Tín, Pháp hành của Biệt giáo với các hành ngang dọc chơn thật tướng tự, tuy nương vào môn riêng biệt mà dùng “chánh Thật tướng” làm thể, nhân vô thường nhưng quả lại thường khiến hành thô mà thể lại diệu, Tín Pháp hành của Viên giáo với các hành ngang dọc chơn thật tướng tự nhưng nương vào môn Viên giáo làm “chánh thể” khiến thể và hành đều diệu. Việc trải qua năm vị giáo để nói rõ thô và diệu như vậy có thể biết v.v... Nương vào phương pháp của các kinh thì hành thường hành v.v... lấy phụ làm thể nên khiến hành và thể đều thô; lấy chánh làm thể nên hành thô mà thể lại diệu. Còn hành và thể đều diệu thì giống như trước đã trình bày. Trải qua năm vị giáo thì cũng có thể hiểu v.v...

- Khai mở thô nghĩa là: khai mở hai hành Tín, Pháp của Tam tạng giáo cũng là “quyết rõ pháp Thịnh văn là vua của các kinh”, nghe rồi suy nghĩ đúng đắn mà được gần đạo vô thượng”. Nghe tức là Tín hành, suy nghĩ tức Pháp hành, đều gần đạo vô thượng tức là đại thừa hành vô tướng gần với chơn tướng. Khai mở “hành ngang” nghĩa là “cúi đầu, chấp tay ca ngợi với tâm tán loạn cũng đều thành Phật đạo”. Tam tạng giáo rất cạn cợt còn được khai mở liền trở nên vi diệu hướng hồ Thông giáo và Biệt giáo v.v... có thể hiểu ý! Khai mở nương vào phương pháp thường hành v.v... của tiểu thừa tức là “mỗi việc thiện nhỏ như vi trần không có việc nào mà không thành Phật” có thể hiểu ý đây v.v...

